

NGHIÊN CỨU MỘC BẢN
PHẬT THUYẾT NHÂN QUẢ QUỐC NGŨ KINH
TẠI CHÙA DÂU (BẮC NINH)

PHẠM VĂN TUẤN*

Tóm tắt: Nghiên cứu mộc bản kinh Phật đang là vấn đề quan trọng trong nghiên cứu lịch sử san khắc kinh sách ở Việt Nam nói riêng và nghiên cứu kinh sách, lịch sử và tư tưởng Phật giáo Việt Nam nói chung. Gần đây, nhiều bộ mộc bản ở các chùa được công nhận là Di sản Quốc gia Việt Nam, hoặc được Unesco vinh danh là di sản văn hóa, kí ức thế giới. Từ đó, để nhận thấy không chỉ giới nghiên cứu, học thuật trong nước đánh giá cao giá trị mộc bản mà thế giới cũng rất quan tâm. Trong những năm vừa qua, nhiều bài viết nghiên cứu về lịch sử thư tịch, về vấn đề văn bản từ mộc bản đến thư tịch và từ thư tịch đến mộc bản được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong kho mộc bản tại chùa Dâu, với nhiều văn bản tín ngưỡng, tôn giáo, thì các văn bản kinh Phật cũng có những giá trị riêng biệt. Mộc bản *Phật thuyết Nhân quả quốc ngũ kinh* hiện đang lưu trữ tại chùa Dâu cũng là một văn bản quan trọng để tìm hiểu về đời sống Phật giáo Việt Nam. Bài viết khảo sát mộc bản bản *Phật thuyết Nhân quả quốc ngũ kinh* tại chùa Dâu, đồng thời nghiên cứu về ảnh hưởng tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam.

Từ khóa: Chùa Dâu, mộc bản, Nhân quả kinh, Tứ pháp, Pháp Vân, Luy Lô

Abstract: The study of Buddhist scripture woodblocks represents a critical dimension in the historiography of textual carving in Vietnam, as well as in broader inquiries into Vietnamese Buddhist literature, history, and thought. In recent years, numerous woodblock collections housed in Vietnamese temples have been officially recognized as National Heritage or honored by UNESCO as part of the Memory of the World Programme. These recognitions underscore not only the domestic scholarly appreciation of woodblock heritage but also the international interest in Vietnam's Buddhist textual tradition. In recent years, many research articles on the history of books, on the issue of "woodblocks to books" and "from books to woodblocks" have attracted the attention of many researchers. Within the woodblock archive of Dâu Pagoda - home to a diverse array of religious and spiritual texts, the Buddhist scriptures stand out for their unique historical and doctrinal value. Among them, the *Phật thuyết Nhân quả quốc ngũ kinh* currently preserved at Dâu Pagoda is an important text for learning about Vietnamese Buddhist life. This article presents a textual and material analysis of the *Phật thuyết Nhân quả quốc ngũ kinh* woodblock at Dâu Pagoda, while also exploring its religious and cultural significance within the broader context of Vietnamese spiritual life.

Keywords: Dâu Pagoda; woodblock printing; *Kinh Nhân quả*; Four Dharma (*Tứ Pháp*); Pháp Vân; Luy Lô

1. Giới thiệu về chùa Dâu

Chùa Dâu (tên tự là Diên Ứng) ở trung tâm Luy Lô, Thuận Thành tỉnh Bắc

Ninh (nay thuộc phường Trí Quả tỉnh Bắc Ninh) là ngôi chùa cổ trong lịch sử Việt

* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Nam. Chùa Dâu ở trung tâm vùng đất Giao Châu xưa, với tháp Hòa Phong sừng sững giữa vùng đồng bằng trù phú và sâu đậm về văn hóa¹. Chùa Dâu, được các tư liệu Hán Nôm tại chùa nói riêng và trong lịch sử Việt Nam nói chung ghi lại quá trình hình thành gắn liền với giai đoạn Sĩ Nhiếp 士變 cai trị Giao Châu. Đến nay chưa có tư liệu ghi lại tên ban đầu của chùa, tuy nhiên, căn cứ vào *Thiền uyển tập anh* 禪苑集英, cho biết khi tổ Tì Ni Đa Lưu Chi 毗尼多流支 (? - 594) đến Giao Châu 交州 truyền giáo, đã tu hành tại chùa Pháp Vân và mở ra thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi².

Các tư liệu Hán Nôm tại chùa Dâu ghi thờ tự Tứ pháp: Pháp Vân 法雲, Pháp Vũ 法雨, Pháp Lôi 法雷, Pháp Điện 法電 trong các chùa vùng Luy Lâu. Trong đó, chùa Dâu thờ tự *Pháp Vân Phật* 法雲佛, hoặc *Pháp Vân Phật mẫu* 法雲佛母. Tín ngưỡng Tứ pháp, gắn liền câu chuyện Khâu Đà La 丘陀羅 và Man Nương 蠻娘 được viết trong *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* 古珠法雲佛本行語錄, bản in năm 1752 bởi thiền sư Tính Mộ, hiện vẫn còn ván khắc tại chùa Dâu³. Đây là những thông tin nhiều lần xuất hiện trên bia và kinh sách tại chùa Dâu. Chùa Dâu được *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, cũng như bia đá, khánh đồng, v.v... ghi chép lại lịch sử ngôi chùa. Những bộ sách san khắc mộc bản tại chùa Dâu đến nay vẫn còn đủ mộc bản lẫn bản in. Đặc biệt, các thông tin tư liệu đều ghi chép về vấn đề việc cúng tế, cầu mưa hòa gió thuận luôn được ứng nghiệm. Cũng có thể vì thế chùa có tên Diên Ứng tự 延應寺⁴.

Trải qua hơn nghìn năm lịch sử, truyền thừa tông phái tại chùa Dâu không được thư tịch lưu lại đầy đủ. Thế kỷ XVII - XVIII, thiền phái Lâm Tế phát triển đến chùa Dâu, từ đó, chùa mở ra truyền thống mới. Thế kỷ XVIII, Thiền sư Tính Mộ 性慕 (1700-1755), hàng cháu của thiền sư Chân Nguyên (1647-1726), kế nối truyền thống của Thiền phái Lâm Tế Trúc Lâm trụ trì chùa Dâu và trở thành tổ đời thứ nhất tại đây. Tính Mộ thiền sư 性慕禪師 (1700 - 1755), còn có các tên là Hải Mộ 海慕, Hải Nhân 海仁... truyền đến Tịch Mật thiền sư 寂密禪師 (1722-1787) và sau truyền đến Chiếu Tuyên 照宣禪師 (1754-1801), Chiếu Tuyên truyền cho Phổ Giác thiền sư 普覺禪師 (1785-1842)⁵... Các vị sư truyền thừa tại chùa Dâu, còn ghi chép lại, chủ yếu từ thế kỷ XVIII - XIX. Thân phận các vị sư tu hành tại chùa Dâu giai đoạn này được san khắc trên bia đá ở tháp thờ cũng như khắc tên trên những mộc bản kinh sách. Tính Mộ thiền sư, cũng như nhiều thiền sư đương thời, kế nối phong khí thiền tông của thiền phái Trúc Lâm đầu thế kỷ XVIII, mà vị thiền sư đứng đầu giai đoạn đó là Chân Nguyên thiền sư, tiếp tục với việc san khắc kinh sách, trùng tu phạn vũ, giảng dạy nuôi dưỡng đệ tử để mở rộng tông phái, ảnh hưởng đến xã hội. Khi Tính Mộ trụ trì chùa Dâu, đã cho xây dựng lại tháp Hòa Phong, đồng thời bắt đầu kế nối tông phong bằng việc cho san khắc bản *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* được giải nghĩa văn Nôm bởi Viên Thái. Đồng thời, cũng mở ra giai đoạn mới cho truyền thống tại chùa Dâu, với san khắc *Cổ Châu Phật bản hạnh* 古珠佛本行, *Hiển Cổ Châu Phật tổ nghi* 古珠佛祖儀,

Kỳ vũ kinh 祈雨經, Kỳ vũ thỉnh Long vương nghi 祈雨請龍王儀, Phật thuyết nhân quả Quốc ngữ kinh (PTNQQNK) 佛說因果國語經, v.v...

Kinh sách lưu tại chùa Dâu được san khắc trong khoảng mấy mươi năm, trải qua bốn đời truyền thừa tông phái, tính từ Tính Mộ thiền sư đến Phổ Giác thiền sư. Đến nay, thống kê số mộc bản lưu tại chùa Dâu còn 107 tấm, với 199 mặt ván khắc, phân loại thành 13 hạng mục. Trong 13 hạng mục đó, có thể là có 11- 12 tác phẩm, còn 1 phần vào các đơn nguyên mộc bản hoặc tên công đức hoặc chưa rõ nội dung sắp xếp vào tác phẩm nào. Tư liệu Hán Nôm chùa Dâu là hệ tư liệu đặc biệt, gắn liền với tín ngưỡng chùa Dâu về thờ Pháp Vân nói riêng và Tứ pháp nói chung. Các tác phẩm san khắc tại đây bao gồm cả văn bản Hán văn, văn bản diễn Nôm hoặc hoàn toàn văn bản thuần Hán, thuần Nôm.

Tác phẩm liên quan trực tiếp đến tín ngưỡng Tứ pháp tại chùa Dâu: *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, *Cổ Châu Phật bản hạnh*, *Hiển Cổ Châu Phật tổ nghi*, *Kỳ vũ kinh*, *Kỳ vũ hồng ân công văn tập quyển* 祈雨洪恩公文集卷, *Kỳ vũ thỉnh Long vương nghi*. Các tác phẩm trên đều là các khoa nghi trong lễ hội Tứ pháp tại chùa Dâu và các chùa thờ tự các vị Phật khác bốn vị Pháp Vân Phật, Pháp Vũ Phật, Pháp Lô Phật, Pháp Điện Phật và một vị Thạch Quang Vương Phật. Các tác phẩm tại chùa Dâu phần nhiều có nội dung đề cập đến 4 vị Phật chính được thờ tại vùng Luy Lâu, liên quan trực tiếp truyện Man Nương.

Các tác phẩm còn lại có thể được đưa vào hệ tác phẩm Tam giáo, trong đó có cả Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo. Nổi bật trong hệ tác phẩm này là *Tam giáo bình tâm luận* 三教平心論⁶. Tuy nhiên, ngoài văn bản *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* là văn bản song ngữ Hán Nôm, một số tác phẩm hệ kinh Phật, hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ Nôm cũng được san khắc tại chùa Dâu và bảo lưu mộc bản đến ngày nay. Một trong những tác phẩm được diễn Nôm lưu tại chùa Dâu là *PTNQQNK*.

2. Giới thiệu mộc bản *PTNQQNK* tại chùa Dâu

Mộc bản *PTNQQNK*, với kiểu thức ván như thường thấy trong các kho ván kinh Phật tại Việt Nam. Đây cũng là kiểu thức ván kinh Phật nói riêng và ván khắc kinh sách nói chung ở các nước Đông Á. Việt Nam với truyền thống san khắc kinh sách có từ lâu đời, bao gồm kinh sách Nho, Phật, Đạo, và kinh sách tín ngưỡng văn hóa dân gian. Trải qua thời gian, kinh sách Phật giáo được san khắc và lưu truyền rộng rãi, ảnh hưởng đến văn hóa xã hội của người Việt Nam. Từ thời Lý Trần đến thời Lê, Nguyễn, kinh sách Phật giáo san khắc ở Việt Nam ngày càng phong phú, đa dạng, đồng thời nhiều văn bản được trùng san nhiều lần. *PTNQQNK* là văn bản được dịch sớm, san khắc ở Việt Nam và trùng khắc, tàng bản mộc bản tại chùa Dâu. Bản in thành sách giấy của văn bản *PTNQQNK* từ mộc bản chùa Dâu cũng không thấy xuất hiện trong các kho sách từ công đến tư, từ chùa chiền tự viện đến các gia đình hoặc các thư viện công nhà nước. Cũng như các văn bản khác

hiện lưu tại chùa Dâu, có điểm chung phần nhiều liên quan tới ngưỡng Tứ pháp, nên ít bản in hoặc ít ảnh hưởng, lan tỏa rộng các vùng khác⁷.

Về hình thức: *PTNQONK*, mộc bản ván mỏng, không có kích thước cố định, nghĩa là lòng ván cố định nhưng ngoại vi ván thay đổi hình và không vuông như lòng ván. Mộc bản *PTNQONK*, gồm 9 tấm mộc bản, mỗi tấm mộc bản sẽ có 2 mặt, tính ra sẽ có 18 mặt, mỗi mặt có 2 trang. Ván có kích thước chiều dày 2cm đến 2,5cm; chiều rộng 19cm đến 19,5cm; chiều dài 30 đến 42 cm. Ván có kích thước không cố định về chiều dài, nhưng cơ bản, hơn kém không nhiều so với kích thước chung. Ngoài diện rộng hẹp khác nhau, thì khuôn trang sách trong ván là 25x18cm. Đây là khuôn chung cho mỗi trang sách của ván. Mép giữa hai ván, phần đuôi cá phía trên ghi *Nhân quả quốc ngữ* 因果國語, phía dưới đánh số tờ, tính từ tờ số 1 - nhất (一) đến tờ thứ 18 - thập bát (十八). Tờ cuối là phần công đức san khắc kinh, nơi tàng bản và niên đại san khắc. Đồng thời, mỗi trang mộc bản đều khắc chữ dương bản - chữ nổi, và khắc mặt lật để khi in ra sẽ được mặt thuận của chữ.

Về trọng lượng của mộc bản *PTNQONK*, bởi kích thước chiều dài, chiều rộng và dày có những sai biệt, nên trọng lượng cũng có sai biệt. Trọng lượng một mộc bản *PTNQONK* dao động trong khoảng 0,8kg đến 1,3kg.

PTNQONK không còn ván bìa mộc bản, mở đầu là mặt 1, gồm 2 trang. Trang đầu là hình ảnh đức Phật Thích Ca niêm hoa vi tiếu, phía dưới đề từ A Nan lắng nghe. Trên sau đầu đức Phật là hào quang. Phật ngồi trên đài sen, hai bên là đôi câu đối:

A Nan tôn giả chi thỉnh vấn

Thích ca Như Lai chi quảng thuyết

阿難尊者之請問

釋迦如來之廣說

Dịch nghĩa:

A Nan tôn giả xin chỉ giáo những nghi vấn

Thích Ca Như Lai thuyết giảng rộng lớn

Phần hình thức mặt ván khắc: mở đầu bằng dòng chữ *Phật thuyết nhân quả Quốc ngữ kinh* 佛說因果國語經. Phần chính văn mỗi trang với 8 cột dọc, mỗi dòng trung bình 14 - 15 chữ, chữ nhỏ, đều và khắc viết theo lối chữ chân phương, lối chữ không theo chữ kiểu sắc phong thời Lê, nhưng vẫn là lối chữ có phong cách của chữ cuối triều Lê còn hiện nhiều trên nhiều sách cổ.



Tờ bìa *PTNQONK*

Ảnh: Phạm Văn Thương (Bắc Ninh)

Cuối bản kinh, là phần chốt lại nội dung, người công đức san khắc và nơi tàng bản:

經尼新又日新
按勳因果筆春劄
南無阿彌陀佛
順安府超類縣姜寺社
恭薦清貞顯達比丘字海兼
釋子沙彌字寂臺
丁文調妻楊氏(；用)號妙度
信妮阮氏瑞號妙得
一板留在姜寺社延應寺以曉後來
昔
景興三十四年春節吉日重刊
姜寺社阮有儒字法嘉妻阮氏眼號妙定
Kinh này tân nghĩa nhật tân
Án trong nhân quả bút xuân chém làm

Nam mô A Di Đà Phật

Thuận An phủ Siêu Loại huyện Khương tự xã

Cung tiến Thanh Trinh Hiền Đạt Tì khuru tự Hải Kiêm

Thích tử Sa di tự Tịch Đài

Đình Văn Điều thê Dương Thị Dung hiệu Diệu Độ

Tín vãi Nguyễn Thị Thụy hiệu Diệu Đắc

Nhất bản lưu tại Khương Tự xã Diên Ứng tự dĩ hiểu hậu lai

Thời

Cảnh Hưng tam thập tứ niên xuân tiết cát nhật trùng san

Khương Tự xã Nguyễn Hữu Nho tự Pháp Gia, thê Nguyễn Thị Ngân hiệu Diệu Định

Dịch nghĩa:

Kinh này tân hựu nhật tân

Án trong nhân quả bút xuân chép lời
Nam mô A di Đà Phật

Xã Khương Tự huyện Siêu Loại phủ Thuận An

Cung tiến Thanh Trinh Hiền Đạt tì khuru tên tự là Hải Kiêm

Đình Văn Điều, vợ Dương Thị Dung hiệu là Diệu Độ

Tín vãi Nguyễn Thị Thụy tên hiệu Diệu Đắc

Một bản lưu tại Chùa Diên Ứng xã Khương Tự để người sau biết

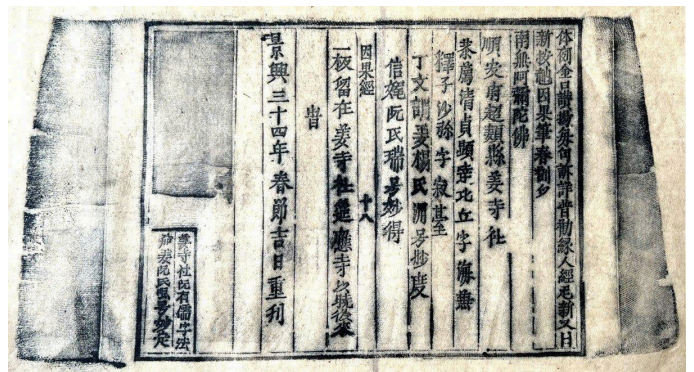
Thời gian:

San khắc lại vào ngày lành tiết mùa xuân năm Cảnh Hưng thứ 34 (1773)

Nguyễn Hữu Nho, tự Pháp Gia, cùng vợ Nguyễn Thị Ngân hiệu Diệu Định



Mặt cuối (bản khắc) PTNQQNK
Ảnh: Phạm Văn Thường (Bắc Ninh)



Mặt cuối (bản dập) PTNQQNK
Ảnh: Phạm Văn Thường (Bắc Ninh)

Từ nội dung trên, văn bản *PTNQONK* được san khắc lại (*trùng san*) tại chùa Diên Ứng (chùa Dâu) vào năm 1773. Điều này cho thấy văn bản vốn đã có lần san khắc từ trước mà nay là san khắc lại. Đồng thời, vị sư san khắc là Tịch Đài 寂臺 cùng các đệ tử tại gia san khắc kinh sách để cung tiến sư phụ là Hải Kiêm 海兼. Trong hệ thống tư liệu Hán Nôm tại chùa Dâu, cũng như trên bia chí, không thấy ghi đến Hải Kiêm. Trong hệ đệ tử của Tính Mộ được ghi trong sách *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, hoặc trên bia *Thừa Bình tháp kí* 承平塔記 trên tháp tổ chùa Dâu cũng không thấy vị sư tên là Hải Kiêm 海兼. Tên hiệu hàng chữ Tịch 寂, đến chữ Hải 海 là các chữ tên tự trong truyền thừa phái Lâm Tế ở miền Bắc Việt Nam và trong giai đoạn thế kỷ XVIII phát triển mạnh mẽ ở Thuận Thành nói chung và chùa Dâu nói riêng. Tuy nhiên, nội dung trên cho thấy mộc bản *PTNQONK* được Tịch Đài, là vị sư có thể cùng thế hệ tên hiệu hàng chữ Tịch như Tịch Mật và cũng sống cùng thời với Tịch Mật thiền sư, san khắc để truy tiến, cúng tiến cho thầy là Hải Kiêm. Thân phận Tịch Đài, Hải Kiêm không thấy xuất hiện trong các văn bản khác như bia trên tháp tổ, hoặc các văn bia, thư tịch khác. Có thể hai vị sư thầy trò này cũng từng tu hành tại chùa nhưng sau đó đã ở chùa khác.

Niên đại mộc bản *PTNQONK* khắc lại vào năm Cảnh Hưng thứ 34 (1773) trong giai đoạn Tịch Mật vẫn đang trụ trì tại chùa Dâu. Có thể, Tịch Mật cùng Tịch Đài cùng thế hệ, cùng tu hành tại chùa Dâu, và Hải Kiêm cùng thời với Hải Mộ

(tức Tính Mộ) thiền sư. Thời Lê, giai đoạn cuối thế kỷ XVIII, thiền phái Trúc Lâm phát triển mạnh mẽ ở vùng Siêu Loại với truyền thống từ chùa Bút Tháp lan tỏa ra quanh vùng⁸. Việc san khắc và in kinh sách Phật giáo phổ biến khắp miền bắc, và đặc biệt trong các sơn môn phái Trúc Lâm đương thời. San khắc lại *PTNQONK*, có ý nghĩa không chỉ để lưu truyền mà còn là để truy tiến công đức chư tổ và đàn na tín thí.

Nội dung *PTNQONK* có thể từ một văn bản *Phật thuyết nhân quả kinh* 佛說因果經 chữ Hán dịch sang chữ Nôm với ngôn ngữ thơ lục bát. Nội dung sách là các câu hỏi của A Nan về nhân quả được đức Phật Thích Ca giảng giải. Cách vận dụng dịch thơ lục bát của bản *PTNQONK* cũng không nhuần nhuyễn về vận theo lối vận trắc như cách vận dụng thể loại thơ này trong khoảng thế kỷ XIX. Từ vận thơ trong *PTNQONK*, có thể thấy lối nghịch vận thường thấy trong thơ văn chữ Nôm giai đoạn Lê sơ sang Lê Trung hưng⁹:

字說徵經因果
 歷祜冷與每事時間
 欺永蚩拖草庵
 義經因果論 夕 祜制
 准靈山上極盃
 餘廚聖眾每尼合團
 課意固阿難柴
 執摠跪悔白字釋迦

Bút thuyết trưng kinh nhân quả

Sạch xem lành dữ mỗi sự thế gian

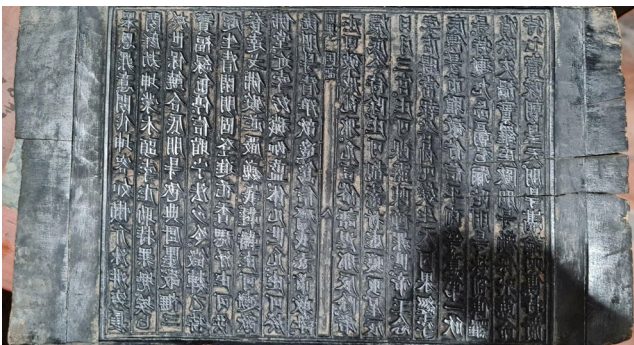
Khi vắng ngôi đà thảo am

Nghĩa kinh nhân quả luận làm xem chơi

*Chôn Linh Sơn thượng cực vui
 Dư nghìn thánh chúng mỗi nơi hợp đoàn
 Thuở ấy có A Nan thày
 Chắp tay quỳ hỏi bạch Bụt Thích Ca*

Ngoài ra, văn bản *PTNQONK* thường dùng cách đọc chữ Hán nhưng âm Nôm, chữ Nôm vay mượn. Chữ hình thanh trong văn bản xuất hiện rất ít, đồng thời, nhiều chữ Nôm có từ giai đoạn Lý Trần xuất hiện nhiều lần trong văn bản, như chữ “sau 萎車” là hai chữ lâu 萎 + xa (cự) 車 mà tạo nên, chữ “trước 略車” do hai chữ lược 略 + xa (cự) 車 tạo nên, như câu:

Người sao đọc dữ ghét nhau,
 Người sao hiền thảo trước sau thuận hòa.
 导牢毒與結鏡
 导牢賢討(略車)(萎車)順和



Trang nội dung *PTNQONK*
 Ảnh: Phạm Văn Tuấn chụp

Đây là những chữ xuất hiện trong văn bản giải âm *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*, được các nhà nghiên cứu văn tự Hán Nôm cho là có niên đại thời Lý Trần và có thể bản giải âm của *PTNQONK* cũng có thể là một văn bản sớm hơn so với giai đoạn trùng san ở giữa thế kỷ XVIII¹⁰. Tuy nhiên văn bản với nhiều chữ Nôm dùng hình thức vay mượn và xuất hiện nhiều từ cổ, cũng như ít từ

được tạo từ cách thức *Hình thanh* (âm + nghĩa) cho thấy văn bản *PTNQONK* quan trọng nên tiếp tục có những nghiên cứu chuyên sâu hơn.

3. Từ *PTNQONK* đến *Nhân quả kinh* ở Việt Nam

Khảo sát các tư liệu tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện lưu một số văn bản về vấn đề Nhân quả, trong đó có hai văn bản là *Phật thuyết nhân quả bản hạnh* 佛說因果本行, kí hiệu AB.177 và *Nhân quả kinh* 因果經, kí hiệu AC.604. Đây là sách tập hợp nhiều bản kinh sách Phật giáo có số trang không nhiều và nội dung ngắn gọn.

Về văn bản *Phật thuyết nhân quả bản hạnh*, kí hiệu AB.177, có bìa chia làm 3 khung, khung giữa có 5 chữ *Phật thuyết nhân quả bản hạnh* 佛說因果本行 được viết theo lối chữ sắc phong thời Lê. Hai khung nhỏ hơn hai bên là 3 hình như hoa chanh, trên dưới nối các khung cũng có hình hoa chanh. Bìa 2, là hình Phật ngồi trên hoa sen. Bìa trong, có các dấu kiểm kê phía trên Phật ngồi hoa sen thuyết pháp cho A Nan, phía dưới có hai chữ viết tay Diệu Niệm 妙念, có thể là tên của vị sư quản lý sách này trước khi được thu lưu về Thư viện EFEO đầu thế kỷ XX.

Nội dung phần diễn âm, giống hoàn toàn với nội dung, cú điệu trong câu, dòng, chữ đầu dòng, cho đến cách thức như bản mộc bản chùa Dầu. Tuy nhiên, cuối sách, tờ 18b, sách AB.177 không phải là bản tàng bản chùa Diên Ứng mà có nội dung:

板留在鎮國寺以曉後來
 昔景盛八年九月秋穀日重刊
 (18b)

Bản lưu tại Trấn Quốc tự dĩ hiệu hậu lai

Thời Cảnh Thịnh bát niên cứu nguyệt thu cốc nhật trùng san

Dịch nghĩa:

Kinh bản lưu tại chùa Trấn Quốc để người sau biết rõ.

San khắc lại vào ngày lành tháng 9 mùa thu năm Cảnh Thịnh thứ 8 (1880).

Từ nội dung trên có thể thấy trong thế kỷ XVIII có hai bản san khắc in PTNQNK ở hai chùa khác nhau. Bản Chùa Dâu có niên đại năm Cảnh Hưng thứ 34 (1773), bản Trấn Quốc có niên đại năm Cảnh Thịnh thứ 8 (1800). Trong giai đoạn thế kỷ XVIII, căn cứ trên hệ văn bia tại chùa Dâu, cho thấy các thiền sư chùa Dâu có các quan hệ thân gần với sơn môn pháp phái chùa Quang Khánh (Hải Phòng) và chùa Bồ Đà (Bắc Ninh). Văn bia *Bảo Đức tháp bi kí* 寶德塔碑記 tại tháp Bảo Đức chùa Dâu cho biết thiền sư Tịch Mật khi còn trẻ tuổi, vì sư phụ sớm viên tịch (1755) nên đã y chỉ vào thiền sư Háo Tiết (Tĩnh Ánh) chùa Bồ Đà¹¹. Tĩnh Ánh, khi mới xuất gia, từng có giai đoạn ở chùa Trấn Quốc (Hà Nội). Từ đó cho thấy khả năng, văn bản từ chùa Dâu, có thể đã được trùng san lại tại chùa Trấn Quốc.

Kho sách VNCHN lưu bản *Nhân quả kinh*, kí hiệu AC.604 là văn bản *Nhân quả kinh*. Sách có tên *Nhân quả kinh*, kí hiệu AC.604, lưu tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tuy nhiên bìa sách có 4 tên sách, gồm: *Nhân quả kinh*, *Ca Diệp kinh* 迦葉經, *Pháp Diệt kinh* 法滅經, *Thánh đăng kinh* 聖燈經. Trong đó, bản *Thánh*

đăng kinh là bản *Thánh đăng ngữ lục* 聖燈語錄, có nội dung về lịch sử Phật giáo thời Trần. Văn bản Hán văn *Nhân quả kinh*, kí hiệu AC.604, có niên đại năm 1848 thời Tự Đức¹². Tuy nhiên, văn bản này cũng là một văn bản tổng hợp nhiều bản kinh ít chữ, nhiều hơn số tên sách trên bìa sách, tạo thành một tập sách. Bản *Nhân quả kinh*, tên trong sách đầy đủ là *Phật thuyết Đại tạng báo ứng Nhân quả kinh* 佛說大藏報應因果經 gồm 9 tờ, mỗi tờ hai mặt, mỗi mặt 6 dòng, mỗi dòng khoảng 20 chữ, viết chân phương. *Phật thuyết Đại tạng báo ứng Nhân quả kinh* chỉ thấy xuất hiện tại Việt Nam mà chưa thấy xuất hiện trong các bản *Mục lục kinh*, các bộ *Đại tạng kinh* sách Phật giáo đến nay ở các nước Đông Á. *Phật thuyết Đại tạng báo ứng Nhân quả kinh* là kinh mở đầu sách kí hiệu AC.604, và lấy tên *Nhân quả kinh* làm tên sách. *Phật thuyết Đại tạng báo ứng Nhân quả kinh* được san khắc và tàng bản tại chùa Thuận Mỹ 純美寺 vào năm Tự Đức nguyên niên (1848). *Nhân quả kinh* kí hiệu AC.604 là văn bản khắc lại, trùng bản lại một bản trước đó. Trong sách, có văn bản *Thánh đăng lục* cũng như một vài văn bản kinh khác. Bài tựa sách *Thánh đăng lục* cho biết thiền sư Chân Nghiêm ở chùa Sùng Quang thời Mạc đã trùng san lại. Tuy nhiên, không chắc chắn các văn bản trong cùng kí hiệu AC.604 là cùng niên đại. Cho đến nay, việc nghiên cứu niên đại xuất hiện của *Nhân quả kinh* ở Việt Nam vẫn là dấu hỏi chưa có đáp án.

So sánh nội dung *Phật thuyết Đại tạng báo ứng Nhân quả kinh* với bản *Phật*

thuyết *Nhân quả bản hạnh*, kí hiệu AB.177 tại kho sách VNCHN hoặc mộc bản PTNQONK cho thấy bản chữ Nôm được dịch ra từ nội dung văn bản *Nhân quả kinh* AC.604. Từ đó có thể đặt ra giả thuyết, trước thế kỷ XVIII, văn bản Hán văn *Nhân quả kinh* đã lưu truyền ở Việt Nam và cũng có thể có từ trước thời Mạc, như trong tập sách có bản *Thánh đấng kinh* do Chân Nghiêm trùng san.

Cuối thế kỷ XIX, Tính Định cũng đã cho san khắc bản diễn Nôm của *Nhân quả kinh*, và lưu truyền trong xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, văn bản của Tính Định phổ biến trong phạm vi hẹp và cũng không thực sự phát rộng trong các sơn môn tông giáo. VNCHN hiện lưu 2 kí hiệu văn bản diễn âm *Nhân quả kinh* của Tính Định là AB.96 và AB.351. Khảo nội dung văn bản của Tính Định diễn Nôm, cho thấy nội dung có sự khác biệt với văn bản *Phật thuyết Đại tạng báo ứng Nhân quả kinh* từ kí hiệu AC.604, cũng như không trùng nội dung với văn bản của bản mộc bản lưu tại chùa Dâu và bản AB.177. Văn bản của Tính Định diễn Nôm có kèm theo phần chữ Hán phía trên, diễn Nôm phía dưới cho thấy nội dung trong các văn bản hậu kì và không trùng văn bản của mộc bản chùa Dâu hoặc chùa Thuần Mỹ¹³.

PTNQONK là bản diễn Nôm cho bản Hán văn của *Nhân quả kinh* và đến nay văn bản vẫn lưu tại chùa Dâu, Thuận Thành, Bắc Ninh. Tuy nhiên, khảo về bản diễn Nôm của *Nhân quả kinh*, cũng có nhiều tên gọi khác như: *Phật thuyết Nhân quả bản hạnh*, *Nhân quả kinh*, là cách gọi

ngắn gọn bản *Phật thuyết Đại tạng báo ứng Nhân quả kinh*. Văn bản *Phật thuyết Đại tạng báo ứng Nhân quả kinh* đến nay lưu truyền ở Việt Nam không thuần nhất một dạng văn bản mà có bản chữ Hán, chữ Nôm và các văn bản nội dung cũng khác nhau. Mộc bản *Phật thuyết Nhân quả quốc ngữ kinh* chùa Dâu trở thành loại hình văn bản đặc biệt, văn bản gốc, là mộc bản có niên đại hơn 200 năm tuổi. Văn bản *Phật thuyết Nhân quả quốc ngữ kinh* về văn tự, chất liệu, loại hình đều có những giá trị lịch sử, văn hóa khẳng định không chỉ các giá trị của chùa Dâu mà cũng là vấn đề văn hóa, tôn giáo của người Việt Nam.

4. Kết luận

PTNQONK là bộ mộc bản tại chùa Dâu đến nay còn nguyên giá trị của văn bản nguyên cấp, văn bản mộc bản có niên đại hơn 200 năm. Đồng thời, văn bản cũng chứa các giá trị về văn tự, lịch sử tôn giáo. Đặt mộc bản PTNQONK trong tổng thể tư liệu Hán Nôm tại chùa Dâu như văn bia, mộc bản và câu đối hoành phi cũng như phần nào liên kết các tư liệu khác tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm và phần nào kế thừa thành quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu từ trước, từ đó để thấy sức sống từ mộc bản với các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thừa, tôn giáo và đặc biệt ngôn ngữ văn tự chữ Nôm.

Bài viết góp thêm cách nhìn nhận về vấn đề bản bản học, tức vấn đề về hình thức loại hình tư liệu, cùng vấn đề văn bản để hiểu về nội dung tư liệu. Đây là hai vấn đề chính trong nghiên cứu tư liệu

Hán Nôm. *PTNQNK* hội đủ các giá trị từ văn bản mộc bản, đến bản in, bản trùng san, cũng như so sánh với bản Hán văn còn lưu truyền ở Việt Nam tạo nên sự phong phú và đa dạng trong nghiên cứu văn bản học, thư tịch học kinh sách Phật giáo. Từ vấn đề kinh sách để nhìn nhận về tôn giáo, truyền thừa và xã hội Việt Nam trong từng giai đoạn đến nay./.*

P.V.T

Chú thích và tài liệu tham khảo

* Bài viết là kết quả của nhiệm vụ cấp cơ sở năm 2025: “Nghiên cứu Tư liệu Hán Nôm tại chùa Dâu (Bắc Ninh)” do Viện Nghiên cứu Hán Nôm chủ trì, TS. Phạm Văn Tuấn chủ nhiệm nhiệm vụ.

1. Chùa Dâu, có nhiều tên gọi như chùa Diên Ứng 延應寺, chùa Cổ Châu 古珠寺, chùa Dâu, chùa Pháp Vân 法雲寺. Diên Ứng có thể là tên muôn trong giai đoạn Lý Trần về sau. Cổ Châu 古州 là tên cho làng, vùng cổ xưa, tuy nhiên về sau, không biết khi nào từ Cổ Châu đã được đổi sang chữ Hán là Cổ Châu 古珠.

2. Theo *Thiền uyển tập anh* (A.3144), Tì Ni Đa Lưu Chi đến Giao Châu, đã ở tại chùa Pháp Vân, khi đó Pháp Hiền (?-626) đã ở chùa Pháp Vân tu hành với Đại sư Quán Duyên. Tại chùa Pháp Vân, Pháp Hiền đã thành vị tổ đời thứ 2 thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi. Tuy nhiên, truyền thừa về sau không được các tư liệu Hán Nôm lưu lại.

3. Truyện Man Nương với câu chuyện về Tứ pháp xuất hiện sớm nhất trong tư liệu *Lĩnh Nam chích quái* và *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* cơ bản giống nhau, nhưng khác nhau cơ bản ở tên vị sư Thiên Trúc trong *Lĩnh Nam chích quái* là Già La Đồ Lê, còn trong

Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục là Khâu Đà La. Nhiều tư liệu Hán Nôm, các thần tích, thần sắc hoặc thư tịch như *Cổ Châu Tứ pháp phá lục*, kí hiệu A.2051, đều ghi chép nội dung truyện Man Nương và Khâu Đà La có nội dung như trong *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*.

4. *Đại Việt sử ký toàn thư*, kí hiệu A.3/1-4, nhiều lần ghi chép về việc triều đình Lý Trần đến Đại Việt cho rước tượng Pháp Vân về kinh thành Thăng Long để cầu mưa thuận gió hòa. Thế kỷ XVIII, khi biên soạn *Kỳ vũ kinh*, mộc bản hiện lưu tại chùa Dâu, cũng thuật lại các lần hiển hiện linh ứng các thời, cho đến thời Lý Trần, thời Lê Trung hưng.

5. Về Tịch Mộ thiền sư, xem thêm bài viết của Nhà nghiên cứu Lưu Đình Tăng, “Về thiền sư Tịch Mộ, người tổ chức khắc hai bộ ván in sự tích đức Phật chùa Dâu”, trên *Tạp chí Hán Nôm* số 3 năm 1994, tr.68-69. Tác giả Lưu Đình Tăng căn cứ trên văn bia Thờ Bình tháp kí 承平塿記, ghi chép về thân phận của Tịch Mộ thiền sư. Các thiền sư đệ tử hàng con cháu của Tịch Mộ, như: Hải Mật, Chiếu Tuyên, Phổ Giác đều có các văn bia tháp ghi lại lịch sử tu hành.

6. *Tam giáo bình tâm luận* là văn bản phức tạp, gần đây TS Lê Phương Duy có bài: “Khảo cứu tác phẩm *Tam giáo bình tâm luận* qua bộ mộc bản hiện còn tại chùa Dâu (phường Thanh Khương thị xã Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh)” đăng trên *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 năm 2024, tr.56-74.

7. Đến nay bộ mộc bản chùa Dâu chỉ có bản in *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*, kí hiệu A818, lưu tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Ngoài ra còn bản chép tay của văn bản này tại chùa Hối (Hải Phòng).

8. Kệ truyền phái Đại Việt, được Chuyết Chuyết (1590-1644) truyền đến Bắc Việt

Nam truyền đến bài kệ của Trí Bản Đột Không, mỗi đời đệ tử y theo một chữ. Đây là bài truyền phái kệ: *Trí tuệ thanh tịnh* 智慧清淨, *đạo đức viên minh* 道德圓明, *chân như tính hải* 真如性海, *tịch chiếu phổ thông* 寂照普通....và ảnh hưởng đến tận ngày nay. Xem thêm: Phạm Tuấn (2006), “Kệ phái truyền thừa Lâm Tế Đại Việt”, *Thông báo Hán Nôm 2006*.

9. Vấn đề nghịch vận vẫn thường thấy trong thơ văn chữ Nôm giai đoạn Lê sơ, cho đến thời Mạc với Nguyễn Bình Khiêm, hoặc thế kỷ XVII như kệ thơ của Trần Thị Ngọc Am trong *Chuyết Chuyết thiên sư ngữ lục*.

10. Các nhà nghiên cứu Nguyễn Quang Hồng, Nguyễn Tài Cẩn, Hoàng Thị Ngọc, Shimizu Masaaki, Trần Trọng Dương.... đều có những nhận định *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*, bản diễn Nôm, có niên đại thời Lý hoặc Trần. Xem thêm: ThS. Trần Trọng Dương (2011), “Phật thuyết có phải là dịch phẩm Nôm của thế kỷ XII”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 4.

11. Xem thêm văn bia *Bảo Đức tháp bi kí*, kí hiệu 23155, khắc năm 1794, thác bản tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

12. Ngoài ra còn một bản san khắc lại Nhân quả kinh, bản AC.604 bởi thiền sư Diệu Trạm ở Hải Phòng. Thiền sư Diệu Trạm, không rõ năm sinh năm mất, trụ trì chùa Pháp Vũ (Hải Phòng) đến nay cũng không còn. Các thư tịch kinh sách Phật giáo chỉ còn lại thông tin, thiền sư Diệu Trạm, còn gọi là Thanh Trạm là đệ tử của Tâm Viên thiền sư (1819-1889) chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Ninh).

13. Tính Định có các bản diễn Nôm, được sưu tập trong các sách *Nhân quả chư kinh trích yếu diễn âm*, kí hiệu AB.96 và kí hiệu AC.351 tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán

Nôm. Các bản tiếng Việt, dịch từ bản diễn Nôm của Tính Định cũng được xuất bản đầu thế kỷ XX tại Việt Nam, như: năm 1929, bản in bởi Nguyễn Thị Từ, hiệu Diệu Hòa, tại nhà in Mạc Đình Tích, Hàng Nón, Hà Nội; năm 1942, bản in bởi nhà in Đức Tuệ - Hà Nội.

14. *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* 古法雲佛本行語錄, kí hiệu A.818, VNCHN.

15. *Cổ Châu tứ pháp phả lục* 古珠四法譜錄, kí hiệu A.2051, VNCHN.

16. *Đại Việt sử kí toàn thư* 大越史記全書, kí hiệu A.3/1-4, VNCHN.

17. Đinh Khắc Thuân chủ biên (2009): *Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Lê Mạnh Thát (2021), *Nghiên cứu về Thiên uyển tập anh* - tái bản, có bổ sung, NXB. Hồng Đức.

19. Nguyễn Mạnh Cường (2000), *Chùa Dâu - Tứ pháp và hệ thống các chùa Tứ pháp*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

20. Nguyễn Quang Hồng chủ biên (1997), *Di văn chùa Dâu*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

21. Phạm Tuấn (2006), “Kệ phái truyền thừa Lâm Tế Đại Việt”, *Thông báo Hán Nôm 2006*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

22. Phan Cẩm Thượng (2002), *Chùa Dâu và nghệ thuật tứ pháp*, NXB. Mỹ thuật, Hà Nội.

23. *Phật thuyết Nhân quả bản hạnh* 佛說因果本行, kí hiệu AB.177, VNCHN.

24. Thích Đồng Dưỡng, “Tìm hiểu các thiền sư phái Lâm Tế chùa Dâu”, trên trang blog: lytranvien.blogspot.com, ngày đăng 24/05/2011.

25. *Thiền uyển tập anh* 禪苑集英, kí hiệu: A.3144, VNCHN.

26. *Thiền uyển truyền đăng lục* 禪苑傳燈錄, kí hiệu Vhv.9, VNCHN.

HỘP THƯ BẠN ĐỌC

Trong thời gian gần đây *Tạp chí Hán Nôm* đã nhận được bài của các tác giả:

Nguyễn Thị Thanh Chung, Nguyễn Đình Chú, Hoàng Ngọc Cương, Nguyễn Xuân Diệm, Huỳnh Đức Dư, Thích Phước Đạt, Phạm Minh Đức, Trần Tuyết Khanh, Lê Thị Hà, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Ngọc Hiệp, Phạm Anh Hòa, Nguyễn Văn Hoài, Nguyễn Văn Hồng, Lê Thị Thu Hương, Ngô Thị Lan, Đoàn Thị Lệ, Ứng Thùy Linh, Nguyễn Công Lý, Phạm Vũ Lộc, Nguyễn Trí Nhân, Nguyễn Văn Ngoạn, Nguyễn Minh Ngọc, Trần Thị Thanh Nhị, Nguyễn Thị Oanh, Philippe Papin, Vũ Văn Phương, Tạ Duy Phượng, Trần Tất Quyển, Cung Thị Kim Thành, Thích Thanh Tân, Lê Thời Tân, Trần Thị Băng Thanh, Cao Tự Thanh, Nguyễn Lãm Thắng, Đỗ Thị Hà Thơ, Nguyễn Đức Toàn, Vũ Minh Thu, Đinh Khắc Thuân, Võ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Văn Tuấn, Phạm Văn Tuấn, Vũ Anh Tuấn, Trần Thanh Tuấn, Đào Duy Tùng, Nguyễn Thanh Tùng, Trần Văn Trọng, Phan Thị Ánn Tuyết, Nguyễn Tứ Tuyết, Dương Thị Hải Vân, Huang Wei, Yang Lina.

Tạp chí Hán Nôm xin chân thành cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của Quý vị.

TCHN